

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MINH HOÁ  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 27/9/2022

V/v ly hôn giữa anh H và chị C.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* ông Đinh Đức Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đinh Minh Tăng, ông Trương Ngọc Nhân

**- Thư ký phiên toà:** ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

**- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà:** ông Tô Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/HNGĐ – TLST ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* anh Lê Hữu H; sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* chị Trần Thị Minh C; sinh năm 1984

Địa chỉ: tổ dân phố \*, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2022 và trong bản tự khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Hữu H trình bày:*

- về hôn nhân: anh H và chị C kết hôn năm 2014 tại UBND xã Hoàng Hóa, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai

ép buộc. Thời gian chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, không cùng quan điểm sống, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị C.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thùy D, sinh ngày 27/4/2014 và Lê Khắc Hoàng D, sinh ngày 19/11/2016, nguyện vọng của anh H là xin được nuôi dưỡng cháu Lê Thùy D, giao cháu Lê Khắc Hoàng D cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

- tài sản chung và nợ chung: không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do chị C không đến Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Ngày 31/8/2022, Tòa án xác minh việc vắng mặt của chị Trần Thị Minh C tại Công an thị trấn Quy Đạt, được biết chị C có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố \*, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, hiện không có mặt tại địa phương. Tòa án cũng tiến hành xác minh tại nhà của bà Nguyễn Thị K (mẹ đẻ của chị C) được biết chị C đã biết Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa anh H và chị C nhưng do đang làm ăn ở xa nên chị C không về giải quyết theo giấy triệu tập của Tòa án được, bà Kh cũng cam kết là nếu có giấy triệu tập hoặc các giấy tờ khác của Tòa án gửi cho chị C thì bà sẽ liên lạc để thông báo cho chị C biết.

Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa tại UBND thị trấn Quy Đạt.

Bị đơn chị Trần Thị Minh C không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý của Tòa án, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và thông báo mở lại phiên tòa của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại Điều 173 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chị C không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án nên căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 15/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với anh H và chị C. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị C vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa với lý do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- về nội dung: về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Minh C; về con chung: giao cháu Lê Thùy D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Khắc Hoàng D; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét; anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: anh H yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị C, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại tổ dân phố \*, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Chị Trần Thị Minh C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, chị C đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị C kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Hoàng Hóa, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của anh H: vợ chồng anh H và chị C không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của anh H và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung cháu Lê Thùy D, sinh ngày 27/4/2014 và Lê Khắc Hoàng D, sinh ngày 19/11/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại cháu Lê Thùy D đang ở với anh H, cháu Lê Thùy D chậm phát triển có vấn đề về thần kinh, cháu Lê Khắc Hoàng D đang ở với chị C, anh H cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Lê Thùy D, giao cháu Lê Khắc Hoàng D cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu Lê Thùy D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị C trực tiếp chăm sóc cháu Lê Khắc Hoàng D là hợp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Chị Trần Thị Minh C vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của mình về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của anh Hưng. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[6]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh H phải chịu án phí sơ thẩm.

[7]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Lê Hữu H ly hôn chị Trần Thị Minh C.
2. Về quan hệ con chung: giao con chung là cháu Lê Thùy D, sinh ngày 27/4/2014 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Khắc Hoàng D, sinh ngày 19/11/2016.

Hai bên không đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có nên Tòa không xét.

4. Về án phí: anh Lê Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0000623 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/9/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Đinh Đức Cảnh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN            THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**